TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 739 /2020/ HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Chính
2. Bà Hoàng Thị Thành

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Như N, sinh năm 1994; cư trú tại: 155 đường Thanh Niên, thành phố Q, tỉnh Bình Định *(có mặt)*.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình D, sinh năm 1994; cư trú tại: 155 đường Thanh Niên, thành phố Q, tỉnh Bình Định *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Như Ngọc trình bày:*

Chị và anh D tìm hiểu và tự nguyện kết hôn năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 22/12/2016 tại UBND xã TQN, huyện HN. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh D thích chơi bài bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra chị và anh D đã nhiều lần trao đổi, hòa giải nhưng không có kết quả. Từ tháng 3/2019 đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh D trở nên

gay gắt nên đã sống ly thân. Tháng 10/2019 chị đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa nhưng sau đó rút đơn để cho anh D có cơ hội thay đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị xin Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung tên Phạm Ngọc Trâm A, sinh ngày 25/10/2017. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Phạm Đình D* đã được Toà triệu tập hợp lệ đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà nhưng anh D đều cố tình vắng mặt.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, áp dụng Điều 56, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị:

- Cho chị Phạm Thị Như N được ly hôn với anh Phạm Đình D.
- Giao con chung tên Phạm Ngọc Trâm A cho chị Phạm Thị Như N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Anh Phạm Đình D là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] *Về Nội dung*: Chị Phạm Thị Như N và anh Phạm Đình D đi đến hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TQN huyện HN vào ngày 22/12/ 2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh D thích chơi bài bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị không tự giải quyết được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án anh D cố tình vắng mặt không đến Tòa. Ngày 12/5/2020 Tòa đã kết hợp với chính quyền địa phương đến nơi anh D cư trú lấy lời khai nhưng không có anh D ở nhà, vì vậy tòa đã lập biên bản lấy lời khai không được để làm bằng. Tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N để giải phóng cho đôi bên.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh D có 01 con chung tên Phạm Ngọc Trâm A, sinh ngày 25/10/2017 sức khỏe bình thường và đang sống cùng chị N. Ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy, cháu A đã ở ổn định với chị N, cháu còn nhỏ rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX giao cháu Phạm Ngọc Trâm A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Phạm Thị Như N phải nộp 300.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Như N và anh Phạm Đình D được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Trâm A, sinh ngày 25/10/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Như N không yêu cầu, HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Như N phải nộp 300.000đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007658 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Chị N đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND xã Tam Quan Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thảo Linh Phương